

Số:117/2021/QĐST-HNGĐ

Ứng Hòa, ngày 02 tháng 7 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 127/2021/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2021, giữa:

***Nguyên đơn:** Chị **Nguyễn Thị T** - sinh năm 1982

Nơi ĐKKHKT: thôn Thanh Bò, xã Lưu Hoàng, huyện Ứng Hòa, TP. Hà Nội.

***Bị đơn:** Anh **Bùi Văn T1**- sinh năm 1977

Nơi ĐKKHKT: thôn Thanh Bò, xã Lưu Hoàng, huyện Ứng Hòa, TP. Hà Nội.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Văn K– sinh năm 1960;

Nơi ĐKKHKT: thôn Thanh Bò, xã Lưu Hoàng, huyện Ứng Hòa, TP.Hà Nội

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 6 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 6 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị T và anh Bùi Văn T1

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1.Về tình cảm: Chị Nguyễn Thị T và anh Bùi Văn T1 thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Bùi Thanh Trà – sinh

ngày 18/10/2003 và Bùi Ngọc Minh – sinh ngày 06/9/2010. Giữ nguyên việc nuôi con như trước khi ly hôn, cụ thể: giao anh T1 tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả 02 con chung là Bùi Thanh Trà và Bùi Minh Ngọc. Anh T1 không đặt vấn đề về việc cấp dưỡng nuôi con.

Không ai được ngăn cản quyền thăm hỏi con chung.

2.3. Về tài sản và công nợ chung:

Chị Nguyễn Thị T và anh Bùi Văn T1 đều đề nghị Tòa ghi nhận sự thỏa thuận phân chia tài sản của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân.

***Về tài sản, công sức chung:**

+ Về đất ở: Chị Nguyễn Thị T và anh Bùi Văn T1 đều xác nhận thừa đất số 307 tờ bản đồ số 22, địa chỉ: thôn Thanh Bò, xã Lưu Hoàng, huyện Ứng Hoà TP. Hà Nội có diện tích 249,1 m² được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BR 880065 do UBND huyện Ứng Hòa cấp ngày 23/12/2013; mang tên người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất hộ ông Bùi Văn T1. Trên đất có 01 ngôi nhà 01 tum có diện tích 60 m², sân trãi vừa ba ta, bể nước. Ngoài ra, chị T, anh T1 còn có một số tài sản chung là các đồ dùng sinh hoạt gia đình như ti vi, tủ lạnh, bàn ghế, giường, cây mít, cây nhãn, cây cau....

+ Về ruộng cấy: Chị Nguyễn Thị T và anh Bùi Văn T1 có 04 thửa ruộng cấy; cụ thể như sau: Thửa 599 diện tích 29,5m² tại xứ đồng Nổ Dâu; Thửa 419 diện tích 306,4m² tại xứ đồng Tổ Nhện; Thửa số 431 diện tích 102m² tại đồng Nổ Trong; Thửa số 226 diện tích 209m² tại xứ đồng Sẻ.

Chị T và anh T1 thỏa thuận thống nhất về đất ở và ruộng cấy như sau:

* Về đất ở: Chị Nguyễn Thị T có toàn quyền sở hữu, quản lý, sử dụng và định đoạt thửa đất cũng như các công trình xây dựng, tài sản trên diện tích đất 108,0m² giới hạn bởi các điểm 2,3,4,5,2 (như sơ đồ phân chia thửa đất)

Về chiều cạnh thửa đất được xác định như sau:

Phía bắc: Giáp đất anh T1 được chia xác định từ điểm 5 đến 2 có chiều dài 28,89m

Phía nam: giáp đất bà Mậu được xác định từ điểm 3 đến 4 có chiều dài 28,47m

Phía đông: giáp ngõ đi được xác định từ điểm 2 đến 3 có chiều dài 3,94m

Phía tây: giáp đất ông Mạnh xác định từ điểm 4 đến 5 có chiều dài 3,60m

* Về ruộng cấy: Chị T sử dụng thửa ruộng cấy số 431 diện tích 102m² tại đồng Nổ Trong và thửa số 226 diện tích 209m² tại xứ đồng Sẻ.

* Về đất ở: Anh Bùi Văn T1 có toàn quyền sở hữu, quản lý, sử dụng và định đoạt thửa đất, nhà ở và các công trình xây dựng, tài sản trên diện tích đất 141,1m² giới hạn bởi các điểm 1,2,5,6,7,8,1 (như sơ đồ phân chia thửa đất).

Về chiều cạnh thửa đất như sau:

Phía bắc: giáp đất ông Bùi Văn Cư và ông Nguyễn Văn Ánh giới hạn bởi các điểm 6,7,8,1; cụ thể: từ điểm 6 đến 7 có chiều dài 11,51m; từ điểm 7 đến 8 có chiều dài 2,06m; từ điểm 8 đến 1 có chiều dài 17,84m.

Phía nam: giáp đất chị T được chia từ điểm 5 đến 2 có chiều dài 28,89m

Phía đông: giáp ngõ đi xác định từ điểm 1 đến 2 có chiều dài 5,87m

Phía tây: giáp đất ông Mạnh xác định từ điểm 5 đến 6 có chiều dài 3,21m

* Về ruộng cấy: Anh T1 sử dụng thửa ruộng cấy số 599 diện tích 29,5m² tại xứ đồng Nổ Dâu; Thửa 419 diện tích 306,4m² tại xứ đồng Tổ Nhện.

Các bên bắt đầu cấy từ vụ mùa năm 2021; Các bên phải đóng góp các khoản phí dịch vụ với địa phương theo phần ruộng của mình được chia.

+ Đối với các tài sản khác là đồ dùng sinh hoạt gia đình anh T1 có toàn quyền quản lý, sử dụng và định đoạt.

+ Do anh T1 được hưởng phần nhà ở và đất có giá trị cao hơn nên phải trả số tiền chênh lệch cho chị T, cộng với số tiền anh Trường (anh con bác ruột chị T) cho chị Nguyễn Thị T nên anh Bùi Văn T1 có trách nhiệm thanh toán cho chị T tổng số tiền là 51.000.000đ (năm mươi một triệu đồng). Việc thanh toán được thống nhất thực hiện như sau: Chậm nhất vào ngày 28 hàng tháng kể từ tháng 7 năm 2021 anh T1 có trách nhiệm thanh toán cho chị T mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng) cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Trường hợp chưa thanh toán xong mà chị T chết thì anh T1 trả số tiền còn lại cho người thừa kế của chị T là ông Nguyễn Văn Khiêm.

***Về công nợ chung:** Anh T1, chị T thừa nhận có nợ ông Nguyễn Văn Khiêm (bố đẻ chị T) số tiền 64.000.000đ (sáu mươi tư triệu đồng).

Các bên thống nhất thỏa thuận trả nợ như sau: Anh Bùi Văn T1 có trách nhiệm trả nợ ông Nguyễn Văn Khiêm số tiền 64.000.000đ trả dần mỗi năm 13.000.000đ (mười ba triệu đồng) bắt đầu vào tháng cuối năm 2023. Còn lại 12.000.000đ trả nốt vào tháng 12 năm 2027.

2.4. Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thương vụ

Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án;

Chị T có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí vì là người khuyết tật nên được Tòa án chấp nhận. Anh T1 phải nộp số tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 75.000đ (bảy mươi lăm nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Ứng Hòa;
- Chi cục THADS huyện Ứng Hòa;
- Dương sự;
- UBND xã Lưu Hoàng
- Lưu hồ sơ vụ án./.

THẨM PHÁN

Nguyễn Đình Kiến